TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 1038/2019/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 211/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Hoàng A, sinh năm 1999.
Địa chỉ: đường K, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Wu, H-H, sinh năm 1976.
Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan) (Taiwanese).
Địa chỉ: 496/2, lầu 2, đường B, khóm 00G, phường S, khu Đ, thành phố Đ, Đài Loan.
Địa chỉ liên lạc: đường K, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người phiên dịch của bị đơn: Bà Lầu Cún D, sinh năm 1983.
Thường trú: Ấp B, xã L, huyện Q, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 8 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Bà Huỳnh Hoàng A, sinh năm 1999.
Địa chỉ: đường K, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Và ông Wu, H-H, sinh năm 1976.

Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan) (Taiwanese).

Địa chỉ: 496/2, lầu 2, đường B, khóm 00G, phường S, khu Đ, thành phố Đ, Đài Loan.

Địa chỉ liên lạc: đường K, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người phiên dịch của bị đơn: Bà 4Lầu Cún D, sinh năm 1983.

Thường trú: Ấp B, xã L, huyện Q, tỉnh Đồng Nai.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Hoàng A và ông Wu, H-H thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 47 do Ủy ban nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/4/2018 cấp cho bà Huỳnh Hoàng A và ông Wu, H-H không còn giá trị pháp lý.

Con chung: Không có.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Huỳnh Hoàng A và ông Wu, H-H phải chịu mỗi người một nửa án phí sơ thẩm là 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng. Bà Huỳnh Hoàng A tự nguyện chịu số tiền 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng của ông Wu, H-H. Như vậy, bà Huỳnh Hoàng A phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0042945 ngày 12/4/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Huỳnh Hoàng A đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- UBND Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

Lê Phan Thị Minh Nguyệt